TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 28 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 34/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà N.T.K.H, sinh năm: 1987

- Ông T.H.N, sinh năm: 1982

Cùng địa chỉ: Căn hộ KDC Masteri, phường Đ, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 87 quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/6/2008 thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N là hợp pháp.

Căn cứ biên bản hòa giải có trong hồ sơ Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Hôn nhân giữa bà H và ông N là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Thời gian đầu bà H và ông N sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H, ông N bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà H, ông N đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không đạt kết quả như mong muốn. Vì muốn ổn định cuộc sống nên bà H và ông N yêu cầu Tòa án cho bà H, ông N được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà H, ông N có 02 con chung tên C (nam), sinh ngày 29/5/2009 và P (nam) sinh ngày 14/6/2010. Nay ly hôn bà bà H và ông N thống nhất giao ông N chăm sóc và giáo dục con chung tên C. Bà H chăm sóc và giáo dục con chung tên P. Bà H và ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Bà H, ông N khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn 87 quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/6/2018 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao ông N chăm sóc và giáo dục con chung tên Từ Nam C , sinh ngày 29/5/2009. Bà H chăm sóc và giáo dục con chung tên P, sinh ngày 14/6/2010.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H và ông N không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ nêu trên; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Bà H, ông N khai không có nợ chung.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) bà H tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0016000 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 17/01/2019. Bà H đã nộp đủ lệ phí. Ông N không phải chịu lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 2;
- VKSND Quận 2;
- UBND Phường 7, quận Phú Nhuận;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quách Hữu Thái